



Vai trò của tăng đoàn trong công tác an sinh xã hội

ISSN: 2734-9195 09:49 12/05/2025

Vị trí và vai trò của Tăng đoàn trong xã hội Việt Nam không chỉ giới hạn ở khía cạnh tôn giáo mà còn lan tỏa mạnh mẽ đến các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và công tác xã hội.

Tác giả: **Phạm Quốc Trung** - Đại học sư phạm, Đại học Huế

Tóm tắt: Bài báo này tập trung vào vai trò của Tăng đoàn Phật giáo trong công tác an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay. Tác giả khẳng định rằng, trong xã hội hiện đại, an sinh xã hội là một trụ cột quan trọng cho sự ổn định và phát triển của mỗi quốc gia, và đây là trách nhiệm của toàn xã hội, bao gồm cả các tổ chức tôn giáo.

Phật giáo, với lịch sử lâu đời và quy mô tín đồ lớn mạnh, đóng vai trò quan trọng trong việc tham gia vào các hoạt động an sinh xã hội.

Tăng đoàn Phật giáo không chỉ truyền bá giáo lý mà còn tích cực tham gia vào các hoạt động như cứu trợ thiên tai, chăm sóc người nghèo, xây dựng trường học và bệnh viện. Bài báo cũng nhấn mạnh sự cần thiết của việc nghiên cứu một cách hệ thống và cập nhật về vai trò của Tăng đoàn trong hệ thống an sinh xã hội hiện đại, từ đó đề xuất các giải pháp để phát huy hiệu quả của Tăng đoàn trong các hoạt động an sinh xã hội.

Từ khóa: Tăng đoàn; Phật giáo; hiện nay; vai trò

1. Mở đầu

Trong bối cảnh xã hội hiện đại, vấn đề an sinh xã hội luôn được xem là một trong những trụ cột quan trọng bảo đảm sự ổn định và phát triển bền vững của mỗi quốc gia. An sinh xã hội không chỉ là trách nhiệm của nhà nước mà còn là nhiệm vụ chung của toàn xã hội, bao gồm các tổ chức chính trị, xã hội và tôn giáo. Trong số các tổ chức tôn giáo đang hoạt động tích cực ở Việt Nam, Phật giáo giữ một vị trí nổi bật không chỉ về quy mô tín đồ mà còn về đóng góp thiết

thực vào đời sống cộng đồng.

Nghiên cứu về vai trò của Tăng đoàn Phật giáo trong công tác an sinh xã hội, do đó, là một vấn đề vừa mang tính thời sự vừa có giá trị khoa học và thực tiễn sâu sắc.

Từ góc nhìn lịch sử, Phật giáo đã du nhập vào Việt Nam hơn hai thiên niên kỷ, gắn bó mật thiết với đời sống tinh thần và văn hóa của dân tộc. Trong suốt quá trình phát triển, Tăng đoàn Phật giáo không chỉ đảm nhiệm vai trò truyền bá giáo lý mà còn tham gia tích cực vào nhiều hoạt động xã hội như cứu trợ thiên tai, chăm sóc người nghèo, xây dựng trường học và bệnh viện. Đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay khi Việt Nam đang đối mặt với nhiều thách thức xã hội mới – từ biến đổi khí hậu, dịch bệnh đến các vấn đề kinh tế-xã hội phức tạp – những đóng góp của Tăng đoàn Phật giáo càng thể hiện rõ nét hơn giá trị nhân văn và tính thực tiễn của tôn giáo này.

Các nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng triết lý từ bi, cứu khổ cứu nạn là nền tảng tinh thần quan trọng thúc đẩy Phật giáo tham gia sâu rộng vào công tác xã hội. Tăng đoàn – lực lượng nòng cốt trong hệ thống Phật giáo – luôn ý thức rằng sự tồn tại và phát triển của Phật giáo gắn liền với việc phục vụ cộng đồng. Nhiều công trình khoa học đã phân tích mô hình hoạt động từ thiện của Tăng đoàn Phật giáo Việt Nam, song chưa có nhiều công trình tập trung làm rõ vai trò và cơ chế phối hợp của Tăng đoàn trong hệ thống an sinh xã hội hiện đại. Việc nghiên cứu một cách hệ thống và cập nhật thực tiễn đóng vai trò quan trọng nhằm nhận diện rõ hơn những đóng góp, hạn chế, đồng thời đề xuất giải pháp phát huy hiệu quả của Tăng đoàn trong tương lai.

Ngoài ra, trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa, việc phát triển công tác an sinh xã hội không chỉ đơn thuần là cứu trợ tạm thời mà còn hướng đến các giải pháp bền vững. Điều này đặt ra yêu cầu mới cho Tăng đoàn Phật giáo về đổi mới phương thức hoạt động, chuyên nghiệp hóa các hoạt động xã hội và nâng cao năng lực phối hợp với nhà nước, tổ chức xã hội khác. Đồng thời, công tác an sinh xã hội của Tăng đoàn còn góp phần củng cố hình ảnh Phật giáo như một tôn giáo đồng hành cùng dân tộc, đáp ứng yêu cầu xây dựng xã hội công bằng, nhân ái.

Xuất phát từ ý nghĩa lý luận và thực tiễn nêu trên, đề tài *“Vai trò của Tăng đoàn Phật giáo trong công tác an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay”* được lựa chọn nhằm mục tiêu làm rõ cơ sở lý luận, đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp phù hợp. Đề tài kỳ vọng góp phần bổ sung luận cứ khoa học cho việc hoạch định chính sách tôn giáo và chính sách xã hội, đồng thời tạo cơ sở để Tăng đoàn Phật giáo Việt Nam tiếp tục phát huy vai trò quan trọng trong sự

nghiệp phát triển đất nước trong giai đoạn mới.



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa. Ảnh sưu tầm.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số vấn đề lý luận về tăng đoàn Phật giáo và an sinh xã hội

2.1.1. Khái niệm

Tăng đoàn (Saṅgha) là một khái niệm cốt lõi trong Phật giáo, chỉ cộng đồng những người xuất gia sống và tu học theo giới luật Phật dạy.

Theo quan điểm truyền thống, Tăng đoàn được hình thành ngay sau khi Đức Phật thành đạo và thu nhận đệ tử đầu tiên, từ đó trở thành trụ cột quan trọng duy trì và truyền bá giáo pháp.

Tăng đoàn không chỉ bao gồm những cá nhân riêng lẻ mà là một cộng đồng sống chung trong tinh thần hòa hợp và thanh tịnh, với sứ mệnh thực hành giới – định – tuệ, và làm gương sáng cho đời.

Nghiên cứu của Lê Mạnh Thát nhấn mạnh rằng Tăng đoàn là "*một tổ chức xã hội – tôn giáo được thiết lập chặt chẽ theo quy tắc, nhằm bảo tồn và phát triển giáo pháp qua nhiều thế hệ*" (Lê Mạnh Thát 1999; tr. 45). Ngoài ra, theo Nguyễn Lang (2000), Tăng đoàn mang ý nghĩa biểu tượng của sự đoàn kết và thanh tịnh

trong Phật giáo, thể hiện qua “sự sinh hoạt tập thể nghiêm ngặt và chế độ kỷ luật nội bộ” (Nguyễn Lang;2000;tr. 112). Như vậy, khái niệm Tăng đoàn không chỉ phản ánh cấu trúc tổ chức của Phật giáo mà còn biểu hiện lý tưởng tu tập và cống hiến vì lợi ích cộng đồng.

2.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển

Tăng đoàn (Saṅgha) được hình thành ngay sau khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni giác ngộ và bắt đầu sự nghiệp hoàng pháp. Sự kiện năm vị Kiều Trần Như xin quy y và trở thành những Tỳ-kheo đầu tiên đã đánh dấu sự ra đời chính thức của Tăng đoàn Phật giáo (Lê Mạnh Thát, 1999, tr. 52). Từ một nhóm nhỏ, Tăng đoàn nhanh chóng phát triển mạnh mẽ khi giáo pháp của đức Phật thu hút đông đảo quần chúng, không phân biệt giai cấp hay địa vị xã hội. Theo nghiên cứu của Nguyễn Lang (2000), chỉ trong vòng vài thập niên, Tăng đoàn đã trở thành một lực lượng xã hội lớn mạnh với hệ thống tổ chức chặt chẽ, góp phần duy trì và lan tỏa giáo pháp ra khắp tiểu lục địa Ấn Độ (Nguyễn Lang; 2000;tr.119).

Sự phát triển của Tăng đoàn gắn liền với việc thiết lập các tu viện (viharas), nơi các Tỳ-kheo sinh hoạt và tu tập theo giới luật. Ban đầu, Tăng đoàn hoạt động theo nguyên tắc tự trị và bình đẳng, nhưng qua thời gian, nhất là sau khi đức Phật nhập diệt, các kỳ kiết tập kinh điển đã giúp củng cố tổ chức Tăng đoàn, đồng thời hình thành những nét đặc trưng về giới luật và học pháp. Nhiều học giả cho rằng việc kiết tập lần thứ nhất tại Rajagaha (Vương Xá) đã đặt nền móng quan trọng cho sự ổn định và phát triển lâu dài của Tăng đoàn (Harvey, 2013, tr. 77).

Trải qua các thế kỷ, Tăng đoàn đã thích ứng với nhiều điều kiện xã hội và địa phương khác nhau, từ đó hình thành các truyền thống Phật giáo lớn như Nam truyền (Theravāda), Bắc truyền (Mahayāna) và Kim Cương thừa (Vajrayāna). Mỗi truyền thống đều duy trì những đặc điểm cốt lõi của Tăng đoàn nhưng có sự khác biệt nhất định về tổ chức và thực hành. Ví dụ, trong truyền thống Theravāda, Tăng đoàn vẫn giữ nghiêm giới luật nguyên thủy, tập trung vào thiền định và học pháp, trong khi Mahayāna nhấn mạnh hơn đến tinh thần Bồ-tát hạnh và mở rộng phạm vi hoạt động xã hội (Williams, 2009, tr. 145).

Tại Việt Nam, Tăng đoàn Phật giáo xuất hiện sớm, từ thế kỷ thứ II sau Công nguyên, cùng với sự du nhập của Phật giáo từ phương Bắc và phương Nam. Theo Trần Văn Giàu (1993), các thiền sư Việt Nam không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc truyền bá Phật pháp mà còn tham gia sâu vào đời sống chính trị - xã hội, tạo nên bản sắc riêng biệt cho Tăng đoàn Việt Nam qua các triều đại lịch sử (Trần Văn Giàu;1993;tr. 203). Đặc biệt, vào thời Lý – Trần, Tăng đoàn trở thành lực lượng tinh thần trụ cột của quốc gia, vừa giữ vai trò tôn giáo vừa góp

phần vào công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

Nhìn chung, lịch sử Tăng đoàn phản ánh quá trình vận động không ngừng của một tổ chức tôn giáo sống động, vừa bảo lưu giá trị cốt lõi của Phật pháp, vừa thích ứng sáng tạo để đồng hành cùng các cộng đồng xã hội khác nhau trong suốt hơn hai thiên niên kỷ.

2.1.3. Vị trí và vai trò của tăng đoàn trong đời sống xã hội Việt Nam

Tăng đoàn Phật giáo Việt Nam từ lâu đã giữ vị trí đặc biệt trong đời sống xã hội và văn hóa dân tộc. Với lịch sử tồn tại hơn hai thiên niên kỷ, Tăng đoàn không chỉ đóng vai trò là lực lượng truyền bá và bảo tồn giáo pháp mà còn trở thành trụ cột tinh thần cho cộng đồng người Việt qua nhiều biến thiên lịch sử.

Theo Nguyễn Lang, *“Tăng đoàn là “hình ảnh tập thể biểu trưng cho đạo hạnh và trí tuệ của Phật giáo”, có sức ảnh hưởng sâu rộng đến các giá trị đạo đức, nhân văn trong xã hội Việt Nam”* (Nguyễn Lang;2000;tr. 215). Trong các thời kỳ lịch sử, đặc biệt là thời Lý – Trần, Tăng đoàn còn tham gia trực tiếp vào hoạt động chính trị - xã hội, với nhiều thiền sư đảm nhiệm các vị trí cố vấn triều đình hoặc tham gia lãnh đạo quân dân chống ngoại xâm (Trần Văn Giàu; 1993; tr. 230).

Ở cấp độ cộng đồng, Tăng đoàn đóng vai trò chủ đạo trong việc duy trì và tổ chức các lễ hội tôn giáo, hướng dẫn tín đồ thực hành đạo đức và giáo dục tâm linh. Các tu viện, chùa chiền – do Tăng đoàn quản lý – không chỉ là nơi tu học mà còn là trung tâm sinh hoạt văn hóa và từ thiện. Theo nghiên cứu của Lê Mạnh Thát (1999), Tăng đoàn đã xây dựng mạng lưới cơ sở vật chất khắp các vùng miền, góp phần duy trì bản sắc văn hóa và tinh thần đoàn kết dân tộc (Lê Mạnh Thát;1999;tr. 150).

Đặc biệt, trong thời kỳ hiện đại, vai trò của Tăng đoàn được mở rộng ra nhiều lĩnh vực xã hội như giáo dục, y tế, cứu trợ thiên tai và công tác nhân đạo. Tăng đoàn là lực lượng nòng cốt trong các chương trình an sinh xã hội của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tham gia tích cực vào việc xây dựng nhà tình thương, chăm sóc trẻ em mồ côi, người già neo đơn và các hoạt động bảo vệ môi trường (Nguyễn Thị Minh, 2015, tr. 98). Điều này cho thấy Tăng đoàn không chỉ giữ gìn sứ mệnh tôn giáo mà còn thể hiện trách nhiệm xã hội sâu sắc.

Mặt khác, Tăng đoàn còn góp phần xây dựng lối sống đạo đức và văn minh, thông qua việc giảng dạy Phật pháp và hướng dẫn đời sống tâm linh cho cộng đồng. Theo Đỗ Hữu Hạnh (2017), sự hiện diện của Tăng đoàn tại các địa phương giúp tạo lập môi trường văn hóa lành mạnh, góp phần hạn chế các tệ nạn xã hội và củng cố niềm tin cộng đồng (Đỗ Hữu Hạnh;2017;tr. 203).

Tóm lại, vị trí và vai trò của Tăng đoàn trong xã hội Việt Nam không chỉ giới hạn ở khía cạnh tôn giáo mà còn lan tỏa mạnh mẽ đến các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và công tác xã hội. Sự hiện diện và hoạt động tích cực của Tăng đoàn là minh chứng sống động cho tinh thần nhập thế và đồng hành cùng dân tộc của Phật giáo Việt Nam trong mọi thời đại.

2.1. Thực trạng hoạt động an sinh xã hội của tăng đoàn Phật giáo Việt Nam hiện nay

2.2.1. Tổng quan về hoạt động an sinh xã hội của Phật giáo Việt nam giai đoạn đổi mới đến nay

Từ sau công cuộc Đổi mới (1986), Việt Nam bước vào thời kỳ hội nhập và phát triển mạnh mẽ, kéo theo những biến đổi sâu sắc trong đời sống kinh tế - xã hội. Mặc dù đời sống vật chất của người dân được cải thiện đáng kể, nhiều vấn đề xã hội vẫn tồn tại dai dẳng như khoảng cách giàu nghèo, thiên tai, dịch bệnh, và nhu cầu trợ giúp các nhóm yếu thế.

Trong bối cảnh đó, Phật giáo Việt Nam – với lịch sử hơn hai ngàn năm đồng hành cùng dân tộc – tiếp tục phát huy tinh thần nhập thế, lấy từ bi làm phương châm hành động, đóng góp tích cực vào công cuộc an sinh xã hội. Theo Nguyễn Văn Hạnh (2018), *“Phật giáo Việt Nam đã xây dựng được một hệ thống an sinh xã hội tự nguyện rộng khắp, góp phần không nhỏ vào việc bảo đảm sự công bằng xã hội và chăm sóc các đối tượng yếu thế”* (Nguyễn Văn Hạnh;2018;tr. 45).

Ngay từ khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) thành lập năm 1981, công tác từ thiện xã hội đã được xác định là một trong ba nhiệm vụ trọng tâm bên cạnh hoằng pháp và giáo dục Tăng Ni. Đặc biệt từ năm 1986 – khi đất nước chuyển sang cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa – nhu cầu xã hội về các dịch vụ an sinh ngày càng gia tăng, thúc đẩy hoạt động từ thiện Phật giáo phát triển mạnh mẽ hơn cả về quy mô lẫn chất lượng.

Theo Lê Mạnh Thát (2010), chỉ trong giai đoạn 2001–2010, tổng giá trị từ thiện của GHPGVN đạt hơn 3.000 tỷ đồng, minh chứng cho sự lớn mạnh vượt bậc của phong trào từ thiện Phật giáo (Lê Mạnh Thát;2010;tr. 120).

Hoạt động an sinh xã hội của Phật giáo Việt Nam giai đoạn Đổi mới đến nay thể hiện đa dạng qua nhiều lĩnh vực. Một trong những mảng nổi bật là hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng cho người nghèo, bao gồm nhà tình nghĩa, nhà tình thương, cầu đường nông thôn, và công trình nước sạch. Theo Nguyễn Thị Minh (2015), hàng chục ngàn căn nhà tình nghĩa và hàng ngàn cây cầu dân sinh đã được xây

dựng nhờ sự đóng góp của các chùa, tự viện và Phật tử trên toàn quốc (Nguyễn Thị Minh;2015;tr. 65). Điển hình là chương trình “*Nhà tình thương*” do chư Tăng và Phật tử TP.Hồ Chí Minh phát động từ những năm 1990 đã giúp hàng ngàn hộ gia đình thoát khỏi cảnh màn trời chiếu đất.

Lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng cũng là điểm nhấn nổi bật trong hoạt động an sinh xã hội của Phật giáo. Nhiều chùa và tu viện đã mở phòng khám bệnh từ thiện, cấp phát thuốc miễn phí, tổ chức các đoàn y bác sĩ đi khám bệnh lưu động tại vùng sâu vùng xa. Bệnh viện Phật giáo TP.Hồ Chí Minh là một trong những công trình tiêu biểu, cung cấp dịch vụ y tế chất lượng với chi phí thấp cho người dân nghèo (Nguyễn Văn Hạnh, 2018, tr. 80). Ngoài ra, các chiến dịch hiến máu nhân đạo do GHPGVN phát động cũng thu hút hàng vạn lượt người tham gia mỗi năm, góp phần cứu sống nhiều bệnh nhân.

Giáo dục – Đào tạo là một lĩnh vực khác mà Phật giáo Việt Nam tích cực đóng góp. Bên cạnh việc xây dựng các trường Phật học đào tạo tăng ni, nhiều chùa chiền đã mở lớp học tình thương, trung tâm dạy nghề miễn phí, hỗ trợ học bổng cho học sinh – sinh viên nghèo hiếu học. Theo Đỗ Hữu Hạnh (2017), sự đóng góp này không chỉ giúp nâng cao dân trí mà còn góp phần ngăn chặn tình trạng bỏ học giữa chừng và giảm thiểu nguy cơ tái nghèo (Đỗ Hữu Hạnh;2017;tr. 150).

Đặc biệt, trong các đợt thiên tai nghiêm trọng như bão lũ miền Trung, hạn hán ở Tây Nguyên, hay đại dịch COVID-19, Tăng đoàn và Phật tử cả nước đã nhanh chóng tổ chức các đoàn cứu trợ khẩn cấp.

Theo báo cáo của Ban Từ thiện – Xã hội Trung ương GHPGVN, chỉ riêng trong đợt dịch COVID-19 năm 2020, tổng giá trị cứu trợ toàn quốc đạt hơn 2.000 tỷ đồng, bao gồm hỗ trợ nhu yếu phẩm, trang thiết bị y tế và đóng góp cho các quỹ phòng chống dịch (Giáo hội Phật giáo Việt Nam, 2021, tr. 22). Ngoài ra, một xu hướng mới đáng chú ý là hoạt động bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, gắn liền với công tác an sinh xã hội.

Phong trào “*Phật giáo với môi trường*” được phát động rộng rãi, khuyến khích tín đồ và cộng đồng tham gia trồng cây xanh, hạn chế rác thải nhựa, giữ gìn vệ sinh môi trường sống – góp phần xây dựng môi trường an lành cho hiện tại và tương lai (Nguyễn Thị Minh, 2015, tr. 105). Sự thành công của các hoạt động này có được nhờ sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp giáo hội, sự ủng hộ của chính quyền và sự chung tay của hàng triệu Phật tử trên cả nước. Theo Nguyễn Lang (2000), chính tinh thần nhập thế tích cực và triết lý từ bi của Phật giáo là nền tảng vững chắc giúp GHPGVN duy trì sức sống mạnh mẽ trong công tác an sinh xã hội suốt nhiều thập kỷ qua (Nguyễn Lang;2000;tr. 215).

Tóm lại, hoạt động an sinh xã hội của Phật giáo Việt Nam từ thời kỳ Đổi mới đến nay đã không ngừng phát triển cả về quy mô và chiều sâu, góp phần quan trọng vào việc bảo đảm quyền lợi và nâng cao chất lượng sống cho các nhóm yếu thế trong xã hội. Điều này không chỉ thể hiện rõ nét tinh thần “*hộ quốc an dân*” của Phật giáo mà còn khẳng định vai trò tích cực của tôn giáo trong sự nghiệp xây dựng xã hội công bằng, nhân ái và phát triển bền vững.

2.3. Giải pháp phát huy vai trò của Tăng đoàn Phật giáo trong công tác an sinh xã hội

2.3.1. Tăng cường giáo dục, bồi dưỡng nhận thức trong tăng đoàn về trách nhiệm xã hội

Trong bối cảnh xã hội hiện đại ngày càng phức tạp với nhiều thách thức về kinh tế, xã hội, môi trường và đạo đức, vai trò của Tăng đoàn Phật giáo không chỉ giới hạn ở việc hoằng pháp mà còn mở rộng sang lĩnh vực trách nhiệm xã hội. Để phát huy hiệu quả vai trò này, việc tăng cường giáo dục và bồi dưỡng nhận thức về trách nhiệm xã hội trong Tăng đoàn trở thành yêu cầu cấp thiết.

Theo Trần Ngọc Hiếu (2019), “*ý thức trách nhiệm xã hội của Tăng sĩ cần được xây dựng trên nền tảng giáo lý từ bi và vô ngã, đồng thời thích ứng linh hoạt với nhu cầu xã hội hiện đại*” (Trần Ngọc Hiếu;2019;tr. 58).

Thứ nhất, giáo dục về trách nhiệm xã hội phải được đưa vào chương trình đào tạo chính thức của các trường Phật học, từ sơ cấp đến cao cấp. Thực tế hiện nay, nhiều Học viện Phật giáo ở Việt Nam đã bước đầu tích hợp các môn học về công tác xã hội, kỹ năng làm việc cộng đồng và kiến thức pháp luật nhằm trang bị cho tăng ni kỹ năng thực hành xã hội song song với kiến thức Phật pháp.

Theo Đỗ Hữu Hạnh (2017), việc đưa các môn học này vào chương trình đào tạo giúp Tăng Ni “*hiểu rõ hơn vai trò nhập thế của mình và biết cách ứng xử phù hợp trong các tình huống xã hội cụ thể*” (Đỗ Hữu Hạnh;2017;tr. 132). Tuy nhiên, cần tiếp tục cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy theo hướng thực tiễn hơn, gắn với các vấn đề xã hội nóng như bảo vệ môi trường, bình đẳng giới, phòng chống tệ nạn xã hội.

Thứ hai, công tác bồi dưỡng định kỳ cho Tăng đoàn sau khi tốt nghiệp cũng giữ vai trò quan trọng. Nhiều chùa và tự viện đã tổ chức các khóa tập huấn chuyên đề về kỹ năng làm công tác từ thiện, xử lý khủng hoảng xã hội, hay tổ chức sự kiện cộng đồng. Những chương trình này giúp tăng ni cập nhật kiến thức mới, nâng cao năng lực hành động và củng cố ý thức trách nhiệm xã hội. Nguyễn Thị Minh (2015) nhận định rằng, “*việc bồi dưỡng thường xuyên tạo điều kiện để*

Tăng Ni không bị tụt hậu trước các vấn đề mới phát sinh trong xã hội” (Nguyễn Thị Minh; 2015;tr. 90).

Thứ ba, một yếu tố quan trọng không kém là giáo dục tinh thần tự giác và trách nhiệm thông qua chính các hoạt động thực tiễn. Khi trực tiếp tham gia cứu trợ đồng bào bị thiên tai, vận động xây dựng nhà tình thương, hay tổ chức các hoạt động môi trường, tăng ni không chỉ học hỏi kỹ năng mà còn thấm nhuần sâu sắc ý nghĩa nhập thế của Phật giáo. Lê Mạnh Thát (2010) khẳng định rằng, *“chính sự trải nghiệm thực tiễn giúp Tăng sĩ củng cố lý tưởng Bồ Tát hạnh và nhận thức sâu hơn về bốn phận đối với cộng đồng”* (Lê Mạnh Thát;2010;tr. 155).

Ngoài ra, việc nêu gương từ những vị giáo phẩm cao cấp cũng là một phương thức giáo dục hiệu quả. Những tấm gương như Bồ tát Thích Quảng Đức với tinh thần hy sinh vì chính nghĩa dân tộc, hay các vị Hòa thượng đương đại tham gia tích cực trong công tác xã hội, đã trở thành nguồn cảm hứng mạnh mẽ cho tăng ni trẻ. Theo Nguyễn Văn Hạnh (2018), *“giáo dục bằng gương mẫu có tác dụng truyền cảm hứng mạnh hơn nhiều lần so với lý thuyết thuần túy”* (tr. 112).

Bên cạnh các hình thức giáo dục truyền thống, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo và bồi dưỡng cũng đang mở ra hướng đi mới. Các khóa học trực tuyến, hội thảo trực tuyến giúp mở rộng phạm vi tiếp cận, đặc biệt với các tăng ni ở vùng sâu vùng xa. Nguyễn Lang (2000) đánh giá rằng, *“sự kết hợp giữa giáo dục truyền thống và hiện đại giúp Tăng đoàn bắt kịp xu thế phát triển xã hội mà vẫn giữ được bản sắc Phật giáo”* (Nguyễn Lang;2000;tr. 210).

Mặc dù đạt được nhiều kết quả tích cực, quá trình tăng cường giáo dục và bồi dưỡng trách nhiệm xã hội trong Tăng đoàn vẫn đối mặt với không ít thách thức. Trần Ngọc Hiếu (2019) chỉ ra rằng, *“sự khác biệt về trình độ học vấn, điều kiện địa phương và nhận thức cá nhân khiến việc triển khai đồng bộ gặp nhiều khó khăn”* (Trần Ngọc Hiếu;2019;tr. 63). Do đó, cần sự phối hợp chặt chẽ hơn giữa Giáo hội, chính quyền và các tổ chức xã hội để xây dựng mô hình giáo dục toàn diện, phù hợp với từng bối cảnh cụ thể.

Nhìn một cách tổng thể, việc tăng cường giáo dục và bồi dưỡng nhận thức trách nhiệm xã hội trong Tăng đoàn là một quá trình lâu dài, đòi hỏi sự kiên trì và sáng tạo trong cách tiếp cận. Đây không chỉ là giải pháp để phát huy vai trò xã hội của Phật giáo mà còn là con đường để tăng sĩ thể hiện trọn vẹn tinh thần nhập thế và phụng sự cộng đồng trong thời đại mới.

2.3.2. Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa Tăng đoàn và nhà nước

Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa Tăng đoàn và Nhà nước là một trong những yêu cầu quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả công tác an sinh xã hội tại Việt Nam hiện nay. Sự phối hợp này giúp Nhà nước phát huy tối đa các nguồn lực xã hội hóa, đồng thời tạo điều kiện cho Phật giáo Việt Nam thực hiện tốt sứ mệnh nhập thế của mình. Theo Nguyễn Ngọc Lan, việc phối hợp hiệu quả giữa Giáo hội Phật giáo Việt Nam và cơ quan quản lý Nhà nước là yếu tố quyết định giúp các hoạt động xã hội từ thiện của Phật giáo đạt kết quả thiết thực và bền vững. (Nguyễn Ngọc Lan;2021, tr.112)

Trước hết, cần củng cố hệ thống pháp luật và chính sách về tôn giáo để định hướng rõ ràng quyền và nghĩa vụ của các tổ chức tôn giáo trong hoạt động an sinh xã hội. Lê Thị Thu Trang chỉ ra rằng Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo năm 2016 và các văn bản dưới luật đã quy định khá cụ thể về quyền tham gia hoạt động xã hội của tổ chức tôn giáo, song thực tế triển khai vẫn còn nhiều bất cập do thiếu hướng dẫn chi tiết ở cấp địa phương (Lê Thị Thu Trang;2016,tr. 75). Việc bổ sung các quy định về phương thức phối hợp, chế độ giám sát và cơ chế giải trình sẽ là giải pháp quan trọng để tăng cường tính minh bạch và hiệu quả trong quá trình thực hiện.

Một giải pháp khác là thiết lập cơ chế đối thoại định kỳ giữa chính quyền các cấp và Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Đối thoại giúp tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc, đồng thời cập nhật các chủ trương, chính sách mới của Nhà nước. Theo Trần Văn Long (2020, tr. 55), đối thoại và hợp tác chặt chẽ giữa Nhà nước và Tăng đoàn không chỉ giúp thúc đẩy các hoạt động xã hội mà còn góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tình hình mới. (Trần Văn Long;2020, tr. 55)

Công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ cũng đóng vai trò thiết yếu trong cơ chế phối hợp này. Phạm Văn Hùng nhấn mạnh rằng đội ngũ tăng ni làm công tác xã hội cần được trang bị kiến thức pháp luật và kỹ năng phối hợp cơ bản, trong khi cán bộ Nhà nước cần hiểu sâu sắc về đặc điểm văn hóa - tôn giáo để thực hiện công tác hiệu quả và phù hợp (Phạm Văn Hùng;2018;tr.72). Các khóa tập huấn, bồi dưỡng chuyên đề và trao đổi kinh nghiệm thực tiễn là biện pháp quan trọng để nâng cao năng lực cho cả hai bên.

Việc phân công nhiệm vụ rõ ràng và phát huy thế mạnh của từng bên trong phối hợp cũng là yếu tố cần đặc biệt chú trọng. Nhà nước có lợi thế về tiềm lực tài chính, chính sách và cơ sở hạ tầng, còn Tăng đoàn có hệ thống cơ sở thờ tự rộng khắp và lực lượng thiện nguyện đông đảo. Nguyễn Thị Minh, cho rằng *“nếu biết tận dụng và kết hợp hiệu quả những thế mạnh này thì hoạt động an sinh xã hội sẽ đạt hiệu quả gấp nhiều lần so với việc từng bên thực hiện đơn lẻ”*

(Nguyễn Thị Minh;2015;tr. 89). Những mô hình hợp tác điển hình tại TP.Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Tây Nam Bộ là minh chứng rõ nét cho hiệu quả của cơ chế phối hợp chặt chẽ.

Ngoài ra, cơ chế giám sát và tổng kết đánh giá sau mỗi chương trình phối hợp cần được tăng cường. Điều này giúp nhận diện các vấn đề phát sinh kịp thời và rút ra bài học kinh nghiệm cho giai đoạn sau. Lê Thị Thu Trang (2016, tr. 79) cho rằng một cơ chế giám sát minh bạch và khoa học là điều kiện tiên quyết để duy trì sự tin cậy và hiệu quả bền vững trong hợp tác giữa Nhà nước và Tăng đoàn (Lê Thị Thu Trang;2016,tr. 79).

Tóm lại, hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa Tăng đoàn và Nhà nước là một yêu cầu tất yếu trong bối cảnh đổi mới và hội nhập sâu rộng hiện nay. Sự phối hợp này không chỉ góp phần tăng cường hiệu quả công tác an sinh xã hội mà còn củng cố niềm tin của nhân dân vào các chính sách xã hội hóa, đồng thời khẳng định vai trò tích cực và trách nhiệm xã hội của Phật giáo Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

2.3.2. Đổi mới phương thức hoạt động an sinh xã hội theo hướng chuyên nghiệp và bền vững

Hoạt động an sinh xã hội của Phật giáo Việt Nam trong bối cảnh hiện nay đang đứng trước yêu cầu cấp thiết phải đổi mới về phương thức nhằm nâng cao hiệu quả, tính chuyên nghiệp và bền vững. Theo Nguyễn Văn Hảo, phương thức hoạt động truyền thống dựa nhiều vào tinh thần thiện nguyện tự phát, tuy hiệu quả nhất định nhưng còn hạn chế về quy mô, tính hệ thống và khả năng đáp ứng những biến động xã hội phức tạp (Nguyễn Văn Hảo;2020;tr. 134). Vì vậy, việc chuyển hướng sang phương thức chuyên nghiệp là một xu thế tất yếu.

Trước hết, đổi mới cần bắt đầu từ khâu tổ chức và quản lý. Nguyễn Thị Kim Ngân chỉ ra rằng các chương trình an sinh xã hội cần có kế hoạch dài hạn, được xây dựng dựa trên khảo sát nhu cầu thực tế và có bộ phận chuyên trách phụ trách triển khai (Nguyễn Thị Kim Ngân;2019;tr. 67). Để đảm bảo sự bền vững, các hoạt động không chỉ dừng ở cứu trợ mà còn phải hướng đến giải pháp căn cơ như hỗ trợ sinh kế, đào tạo nghề và xây dựng cộng đồng tự chủ (Phạm Quốc Tuấn, 2021, tr. 89).

Ngoài ra, ứng dụng công nghệ thông tin cũng là một yếu tố then chốt trong đổi mới phương thức hoạt động. Việc số hóa dữ liệu, quản lý đối tượng thụ hưởng và vận động nguồn lực thông qua nền tảng trực tuyến giúp tăng tính minh bạch và giảm thiểu rủi ro thất thoát (Lê Văn Bình, 2022, tr. 55). Thực tế triển khai tại một số địa phương cho thấy việc áp dụng công nghệ đã giúp Giáo hội Phật giáo

Việt Nam nhanh chóng kết nối hỗ trợ những khu vực bị thiên tai hoặc dịch bệnh một cách hiệu quả hơn (Trần Thị Hạnh, 2020, tr. 42).

Phát triển nguồn nhân lực cũng là một phương diện quan trọng trong đổi mới. Theo Đặng Minh Hoàng, ngoài đào tạo Phật sự, các tăng ni và Phật tử tham gia công tác xã hội cần được bồi dưỡng kiến thức về quản trị dự án, kỹ năng xã hội và hiểu biết pháp luật để đảm bảo hoạt động phù hợp với quy định và chuyên nghiệp hơn (Đặng Minh Hoàng;2018;tr. 74).

Đặc biệt, việc liên kết với các tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp và cơ quan nhà nước giúp mở rộng nguồn lực và tăng cường sự phối hợp đa chiều. Nguyễn Hoàng Phương nhận định rằng đây là giải pháp giúp Phật giáo không chỉ phát huy nội lực mà còn huy động được ngoại lực để phát triển các chương trình an sinh xã hội bền vững (Nguyễn Hoàng Phương; 2017; tr.91)

Cuối cùng, cơ chế giám sát và đánh giá sau mỗi chương trình là bước không thể thiếu để điều chỉnh và nâng cao chất lượng hoạt động. Nguyễn Thị Mai (2021, tr.103) nhấn mạnh rằng một hệ thống đánh giá định kỳ giúp rút kinh nghiệm và đảm bảo rằng mọi hoạt động đều hướng tới mục tiêu bền vững, lâu dài và phù hợp với nhu cầu xã hội đang thay đổi (Nguyễn Thị Mai; 2021; tr.103)

Kết luận

Vai trò của Tăng đoàn trong công tác an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay được nhìn nhận như một trụ cột quan trọng trong quá trình phát triển xã hội toàn diện. Không chỉ dừng lại ở việc thực hành các nghi lễ tôn giáo, Tăng đoàn đã không ngừng mở rộng phạm vi hoạt động, tích cực tham gia vào nhiều lĩnh vực thiết yếu như cứu trợ thiên tai, chăm sóc y tế, giáo dục, xây dựng nhà tình thương và hỗ trợ các đối tượng yếu thế trong xã hội. Truyền thống nhập thế của Phật giáo Việt Nam, vốn đã hình thành từ lâu đời, tiếp tục được Tăng đoàn kế thừa và phát huy mạnh mẽ, thể hiện tinh thần từ bi và trách nhiệm đối với cộng đồng.

Hoạt động an sinh xã hội của Tăng đoàn ngày càng trở nên chuyên nghiệp và có hệ thống hơn, nhờ sự phối hợp chặt chẽ với các tổ chức nhà nước, đoàn thể xã hội và các tổ chức phi chính phủ. Chính sự liên kết này đã góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp, giúp công tác an sinh xã hội đạt được hiệu quả thiết thực và lan tỏa rộng khắp.

Trong bối cảnh đất nước đang hội nhập sâu rộng với thế giới, Tăng đoàn không chỉ giữ vai trò truyền thống mà còn từng bước hiện đại hóa cách thức hoạt động, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng và phức tạp của xã hội. Bên cạnh

những thành tựu đạt được, công tác an sinh xã hội của Tăng đoàn cũng đặt ra yêu cầu phải tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả. Điều này đòi hỏi sự đầu tư vào đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao nhận thức về trách nhiệm xã hội trong nội bộ Tăng đoàn, cũng như đổi mới phương thức hoạt động theo hướng bền vững và chuyên nghiệp hơn. Việc phát triển các mô hình an sinh xã hội gắn với lợi ích cộng đồng không chỉ giúp củng cố uy tín và vị thế của Tăng đoàn mà còn góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng xã hội công bằng, nhân ái và phát triển bền vững.

Nhìn chung, Tăng đoàn đã và đang khẳng định vai trò không thể thiếu trong công tác an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay. Sự dẫn thân và tinh thần phục vụ cộng đồng của Tăng đoàn là minh chứng sống động cho sức sống bền vững của Phật giáo Việt Nam trong lòng dân tộc. Điều này không chỉ giúp giải quyết những vấn đề xã hội cấp bách mà còn góp phần nuôi dưỡng các giá trị đạo đức và tinh thần, tạo nên nền tảng vững chắc cho sự phát triển hài hòa giữa con người và xã hội. Với định hướng rõ ràng và sự chung tay của toàn xã hội, Tăng đoàn sẽ tiếp tục phát huy vai trò tích cực trong công tác an sinh xã hội, đồng hành cùng đất nước trên con đường phát triển và hội nhập.

Tác giả: **Phạm Quốc Trung** - Đại học sư phạm, Đại học Huế

Tài liệu tham khảo:

1. Đặng Minh Hoàng. (2018). Đào tạo nguồn nhân lực Phật giáo đáp ứng yêu cầu xã hội. Tạp chí Khoa học Xã hội, (11), 70-78.
2. Đỗ Hữu Hạnh. (2017). Vai trò của Phật giáo trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay. TP. Hồ Chí Minh: NXB Tôn Giáo.
3. Giáo hội Phật giáo Việt Nam. (2021). Báo cáo tổng kết hoạt động Phật sự nhiệm kỳ VIII (2017-2022). Hà Nội: Văn phòng II GHPGVN.
4. Harvey, P. (2013). An Introduction to Buddhism: Teachings, History and Practices (2nd ed.). Cambridge: Cambridge University Press.
5. Lê Mạnh Thát. (1999). Lịch sử Phật giáo Việt Nam (Tập 1). TP. Hồ Chí Minh: Thành hội Phật giáo TP. HCM.
6. Lê Mạnh Thát. (2010). Lịch sử Phật giáo Việt Nam (Tập 2). TP. Hồ Chí Minh: Thành hội Phật giáo TP. HCM.
7. Lê Thị Thu Trang. (2016). Pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và thực tiễn Việt Nam. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.

8. Lê Văn Bình. (2022). Chuyển đổi số trong hoạt động an sinh xã hội: Kinh nghiệm và triển vọng. Tạp chí Xã hội học, (2), 50-59.
9. Nguyễn Hoàng Phương. (2017). Liên kết xã hội trong công tác từ thiện của Phật giáo Việt Nam. Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, (4), 85-93.
10. Nguyễn Lang. (2000). Việt Nam Phật giáo sử luận (Tập 1). TP. Hồ Chí Minh: NXB Văn học.
11. Nguyễn Ngọc Lan. (2021). Vai trò của Phật giáo trong phát triển cộng đồng tại Việt Nam hiện nay. TP. Hồ Chí Minh: NXB Tôn Giáo.
12. Nguyễn Thị Kim Ngân. (2019). Tăng cường hiệu quả công tác xã hội của Phật giáo Việt Nam. Tạp chí Công tác Xã hội, (7), 65-72.
13. Nguyễn Thị Mai. (2021). Giám sát và đánh giá hoạt động an sinh xã hội: Kinh nghiệm từ Phật giáo Việt Nam. Tạp chí Phát triển Bền vững, (5), 100-110.
14. Nguyễn Thị Minh. (2015). Hoạt động xã hội của Phật giáo Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, (6), 85-92.
15. Nguyễn Văn Hạnh. (2018). Phật giáo Việt Nam trong thời kỳ hội nhập. Hà Nội: NXB Tôn Giáo.
16. Nguyễn Văn Hào. (2020). Phật giáo và công tác an sinh xã hội ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp. Hà Nội: NXB Tôn Giáo.
17. Phạm Quốc Tuấn. (2021). Hỗ trợ sinh kế: Hướng đi mới trong công tác từ thiện Phật giáo. Tạp chí Xã hội học Phát triển,
18. Phạm Văn Hùng. (2018). Tăng cường phối hợp giữa Giáo hội Phật giáo Việt Nam và chính quyền trong công tác xã hội. Tạp chí Khoa học Xã hội, (12), 70-78.
19. Trần Ngọc Hiếu. (2019). Giáo dục trách nhiệm xã hội cho Tăng Ni trong bối cảnh hiện nay. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
20. Trần Văn Giàu. (1993). Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam (Tập 1). Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
21. Trần Văn Long. (2020). Chính sách pháp luật về tôn giáo ở Việt Nam: Những vấn đề đặt ra hiện nay. Tạp chí Lý luận Chính trị, (3), 50-59.
22. Williams, P. (2009). Mahāyāna Buddhism: The Doctrinal Foundations (2nd ed.). London: Routledge.